

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 59/2019/HC-ST

Ngày 18-11-2019

V/v khiếu kiện quyết định hành
chính trong lĩnh vực
quản lý đất đai

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Quốc Lộc.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phan Thị Thanh Sen.

2. Ông Trần Công Nho.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Khánh Vy, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Quang Minh, Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 53/2017/TLST-HC ngày 16 tháng 10 năm 2017 về việc “*Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 43/2019/QĐXXST-HC ngày 08 tháng 11 năm 2019 giữa các đương sự:

1. **Người khởi kiện:** Ông **Trương G**, sinh năm 1938. Địa chỉ: Thôn 5, xã Tiên Cảnh, huyện T, tỉnh Quảng Nam.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trương Quang Q, sinh năm 1974; địa chỉ: Khối phố 6, phường Trường Xuân, thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam (Văn bản ủy quyền ngày 05-12-2017).

2. **Người bị kiện:** **Chủ tịch UBND huyện T, tỉnh Quảng Nam.**

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Trí H, chức vụ: Phó Chủ tịch UBND huyện T, tỉnh Quảng Nam.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông Võ Vi N – Chuyên viên Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện T, tỉnh Quảng Nam.

3. **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

3.1. NLQ1, sinh năm 1972.

3.2. NLQ2, sinh năm 1943.

3.3. NLQ3, sinh năm 1930.

3.4. NLQ4, sinh năm 1946.

Cùng địa chỉ: Thôn 5, xã Tiên Cảnh, huyện T, tỉnh Quảng Nam.

3.5. Ủy ban nhân dân xã Tiên Cảnh, huyện T, tỉnh Quảng Nam. Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Trường Hiền, chức vụ: Chủ tịch.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các văn bản có trong hồ sơ vụ án, tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện ông Trương G trình bày:

Gia đình ông Trương G có thửa đất canh tác từ năm 1986 được Ban quản trị Hợp tác xã sản xuất nông nghiệp Tiên Cảnh 2 xác nhận ngày 10-11-1986. Gia đình ông G canh tác trồng các loại hoa màu ngắn ngày phục vụ cho đời sống. Đến năm 1993, con ông G đi làm xa và ông G thống nhất cho ông NLQ3 và ông Nguyễn Văn Đắc gần nhà canh tác một phần góc vườn (Theo chỉ tay làm ranh giới chứ không đo diện tích). Sau thời gian thì NLQ3 không làm nữa, NLQ1 có xin gia đình ông G phần góc vườn mà NLQ3 làm trước đây để làm rẫy trồng khoai lang và sắn mừu sinh qua ngày, đồng thời chăm sóc bảo quản cây cối hoa màu trên mảnh vườn. Đến khi NLQ1 không trồng khoai sắn mà trồng keo, ông G không đồng ý và ngăn chặn vì thời gian này con ông G làm ăn xa trở về nên gia đình ông G lên kế hoạch trồng keo. Ông G thông báo cho hai hộ trên trả đất lại, ông Nguyễn Văn Đắc đã trả lại nhưng NLQ1 vẫn không trả. Vì tình cảm ông G nghĩ tới việc mua keo và công trồng keo tốn tiền của NLQ1 nên ông chấp nhận để NLQ1 khai thác xong mùa này rồi trả lại đất; nhưng sau khi thu hoạch xong NLQ1 vẫn trồng lại, lúc này NLQ1 còn hứa sẽ chia lời với vợ ông G là NLQ2, và vợ ông G về bàn với ông để NLQ1 khai thác hết keo rồi lấy lại. Tuy nhiên, khi khai thác xong, NLQ1 lại tiếp tục trồng (Khoảng 100 cây keo), ông G đến tiếp tục ngăn cản, nhưng NLQ1 vẫn kéo dài thời gian không dọn đất. Lúc này, ông G có trình báo Ban Nhân dân thôn, Ủy ban nhân dân xã Tiên Cảnh sự việc trên và được Ủy ban nhân dân xã Tiên Cảnh mời lên hòa giải nhưng không thành. Sau một thời gian dài, gia đình ông G chuẩn bị trồng keo nhưng không được nên gia đình ông quyết định lên dọn đất và trồng keo. Trên phần diện tích đất NLQ1 trồng còn sót lại khoảng 100 cây keo và một số cây chết ngã, con ông lên dọn và chặt hạ một số cây đổ ngã rồi trồng thêm vào cho hết phần diện tích của gia đình ông. NLQ1 thấy vậy trình báo địa phương và làm đơn gửi đến Ủy ban nhân dân huyện T. Hiện nay, gia đình ông G vẫn sử dụng diện tích đất này để trồng keo. Ngày 28-8-2015, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T ban hành Quyết định số 5376/QĐ-UBND về việc giải quyết tranh chấp đất đai giữa NLQ1 với ông Trương G, ông G không đồng ý quyết định này. Do đó, ông G khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 5376/QĐ-UBND ngày 28-8-2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T.

Theo các văn bản có tại hồ sơ vụ án, trình bày của người đại diện người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T, lời trình bày của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T tại phiên tòa như sau:

NLQ1 có Đơn đề nghị giải quyết tranh chấp đất đai với ông Trương G ở tại thôn 5, xã Tiên Cảnh, huyện T (diện tích đất tranh chấp là 609m²) gửi Ủy ban nhân dân xã Tiên Cảnh. Ủy ban nhân dân xã Tiên Cảnh tổ chức hòa giải nhưng không thành nên NLQ1 tiếp tục có Đơn xin kiến nghị giải quyết tranh chấp đất đai ghi ngày 06-11-2014 gửi Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T để được xem xét giải quyết tranh chấp đất đai theo quy định của pháp luật.

Nguồn gốc, quá trình sử dụng đất đang tranh chấp giữa hộ gia đình NLQ1 và hộ gia đình ông Trương G: Gia đình NLQ1 tranh chấp đất đai với gia đình ông Trương G với diện tích đất 609m² ở tại tổ 9, thôn 5, xã Tiên Cảnh theo Trích lục bản đồ khu vực tranh chấp đất đai giữa NLQ1 và ông Trương G do Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện lập ngày 18-5-2015 có nguồn gốc và quá trình quản lý, sử dụng như sau:

- Diện tích đất 609m² ở tại tổ 9, thôn 5, xã Tiên Cảnh do gia đình NLQ1 sử dụng ổn định, liên tục từ năm 2000 đến khi phát sinh tranh chấp (năm 2013). Tại thời điểm phát sinh tranh chấp đất đai gia đình NLQ1 đang trồng keo được 14 tháng tuổi và trồng chuối (đây là chu kỳ thứ 3 mà gia đình NLQ1 trồng keo liên tục trên diện tích đất 609m²).

- Năm 1986 ông Trương G có Đơn xin đất làm nhà (kèm theo Sơ đồ vườn ông Nguyễn Tráng) gửi Ủy ban nhân dân xã Tiên Cảnh, Hợp tác xã nông nghiệp Tiên Cảnh và được Ban Quản trị Hợp tác xã sản xuất nông nghiệp Tiên Cảnh 2 xác nhận ngày 10-11-1986 với diện tích 1.000m². Tuy nhiên, không có cơ sở để khẳng định diện tích đất 609m² tranh chấp mà Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T giải quyết tại Quyết định số 5376/QĐ-UBND ngày 28-8-2015 nằm trong diện tích đất 1.000m² đất vườn ở ông G được Ban Quản trị Hợp tác xã sản xuất nông nghiệp Tiên Cảnh 2 xác nhận ngày 10-11-1986. Ngoài ra, Đơn xin làm nhà này không phải là các loại giấy tờ về quyền sử dụng đất được quy định tại Điều 100 Luật Đất đai năm 2013 và Điều 18 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15-5-2014 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai và gia đình ông Trương G không phải là người sử dụng ổn định, liên tục diện tích đất này.

Mặt khác, ông Trương G có Đơn xin đất với diện tích 1.000m² nhưng hiện nay gia đình ông G đang sử dụng diện tích đất gần khu vực này khoảng trên 10.000m² (diện tích đất khoảng trên 10.000m² này nằm gần diện tích đất 609m² đang tranh chấp và cách nhau qua một con đường liên xóm rộng khoảng hai mét), diện tích này lớn hơn rất nhiều lần diện tích mà ông Trương G có Đơn xin đất làm nhà (kèm theo Sơ đồ vườn ông Nguyễn Tráng).

Qua làm việc với ông NLQ3 và NLQ4 (vợ NLQ3) cùng ở tại thôn 5, xã Tiên Cảnh thì vợ, chồng ông NLQ3 cho rằng: Diện tích đất 609m² nói trên do gia đình ông NLQ3 khai hoang và sử dụng một thời gian, đến năm 2000 thì gia đình ông NLQ3 không sử dụng nữa mà cho gia đình NLQ1 sử dụng ổn định, liên tục đến năm 2013 (khi phát sinh tranh chấp); từ năm 2000 đến năm 2013 (khi phát sinh tranh chấp) thì gia đình NLQ1 sử dụng diện tích đất 609m² ổn định và không có ai tranh chấp; diện tích đất 609m² có nguồn gốc do gia đình

ông NLQ3 khai hoang và sử dụng đến năm 2000, gia đình NLQ3 không xin diện tích đất 609m² của gia đình ông Trương G để sử dụng.

Quá trình kê khai, đăng ký quyền sử dụng đất qua các thời kỳ:

- Khi thực hiện kê khai, đăng ký theo Nghị định số 64/CP của Chính phủ thì hộ gia đình ông Trương G có đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất đối với: Thửa đất 724, tờ bản đồ số 22, diện tích 1.682m² (trong đó có 200m² đất ở, 282m² đất N⁺, 120m² đất LNK); thửa đất số 278, tờ bản đồ số 22; thửa đất số 91, 411, tờ bản đồ số 29 và đã được Ủy ban nhân dân huyện T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

- Theo tờ Bản đồ địa chính số 20 được thành lập theo Nghị định số 64/CP của Chính phủ được Ủy ban nhân dân xã Tiên Cảnh xác nhận và Sở Địa chính duyệt ngày 22-02-1996 thể hiện phần diện tích đất 609m² là đất Núi do Ủy ban nhân dân xã Tiên Cảnh quản lý.

- Theo tờ Bản đồ địa chính số 01 được thành lập theo Dự án thành lập bản đồ địa chính 1/10.000 trên địa bàn huyện T và Sổ Mục kê đất đai được Sở Tài nguyên và Môi trường duyệt ngày 14-12-2011 thể hiện phần diện tích đất 609m² thuộc thửa đất 626, tờ bản đồ số 01, tên người sử dụng, quản lý là Ủy ban nhân dân xã Tiên Cảnh.

Căn cứ vào Điều 100, Điều 101, Điều 203 Luật Đất đai năm 2013; Điều 21 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15-5-2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai, các quy định pháp luật khác có liên quan, kết quả xác minh và xét Đơn xin kiến nghị giải quyết tranh chấp đất đai của NLQ1, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T ban hành Quyết định số 5376/QĐ-UBND ngày 28-8-2015 về việc giải quyết tranh chấp đất đai giữa hộ NLQ1 và hộ ông Trương G cùng ở tại thôn 5, xã Tiên Cảnh, huyện T là đúng quy định của pháp luật. Vì vậy, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam bác yêu cầu khởi kiện của ông Trương G về việc yêu cầu hủy Quyết định số 5376/QĐ-UBND ngày 28-8-2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan NLQ1 trình bày: Năm 2000 bà có xin ông NLQ3 trông keo trên đất tranh chấp, NLQ3 đồng ý nên bà trông keo được hai vụ và tiếp tục trông keo được 14 tháng tuổi. Gia đình ông Trương G vào phá hết keo của bà, bà không đồng ý. Bà xin đất này của ông NLQ3, không phải xin đất của ông Trương G.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan NLQ2 trình bày: Bà thống nhất với lời trình bày của chồng bà (ông Trương G).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan NLQ3 và NLQ4 có cùng trình bày:

Vợ chồng NLQ3 và NLQ4 không có mượn đất của ông Trương G. Nguồn gốc diện tích đất tranh chấp là đất do ông NLQ3 khai hoang trồng dây lang. Sau đó ông bỏ trống không làm nữa thì NLQ1 có đến xin trông dây lang và sau đó trông keo. Ông Trương G không sử dụng diện tích đất này, diện tích đất này không có liên quan gì đến ông G.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân xã Tiên Cảnh trình bày: Vào năm 1986, ông Trương G có Đơn xin đất làm nhà (kèm theo Sơ đồ vườn ông Nguyễn Tráng) trong đơn có gửi Ủy ban nhân dân xã Tiên Cảnh được Hợp tác xã nông nghiệp Tiên Cảnh và Ban Quản trị Hợp tác xã sản xuất nông nghiệp Tiên Cảnh 2 xác nhận ngày 10-11-1986 với diện tích 1.000m² (do ông Trương G cung cấp trong quá trình tranh chấp đất). Tại tờ bản đồ địa chính số 20 được thành lập theo quy định tại Nghị định số 64/CP của Chính phủ do Sở Địa chính duyệt ngày 22-02-1996 thì khu vực này không thể hiện hồ sơ kê khai 10.000m². Theo tờ Bản đồ địa chính số 01 được thành lập theo Dự án thành lập bản đồ địa chính 1/10.000 năm 2011 thì gia đình ông Trương G có kê khai diện tích đất 10.284m². Diện tích này nằm gần diện tích đất 609m² đang tranh chấp.

Người làm chứng:

Ông Nguyễn Văn Đắc trình bày: Ông không mượn đất của ông Trương G để canh tác.

Ông Dương Chơ trình bày: Ông là đội trưởng đội sản xuất lúc bấy giờ, ông có ký vào Đơn xin đất làm nhà của ông Trương G trong đó có nội dung ông G mua vườn của ông Tráng. Về diện tích và tứ cận thể hiện trong Đơn của ông G, ông không nhớ, tuy nhiên ông biết có một cạnh giáp với vườn ông NLQ3. Hiện nay, diện tích đất này do NLQ1 trồng keo, ông được biết ông G cho ông NLQ3 mượn, sau đó NLQ3 cho NLQ1 mượn trồng keo, các bên chỉ nói cho mượn đất sản xuất chứ không nói thời gian cụ thể. Ngoài ra ông không biết nội dung gì khác.

Ý kiến của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa:

Về tố tụng, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng và các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Luật Tố tụng hành chính năm 2015.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét xử bác yêu cầu khởi kiện của ông Trương G về việc yêu cầu hủy Quyết định số 5376/QĐ-UBND ngày 28-8-2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T về việc giải quyết tranh chấp đất đai giữa hộ gia đình NLQ1 với hộ gia đình ông Trương G cùng ở tại thôn 5, xã Tiên Cảnh, huyện T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng, ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử sơ thẩm xét thấy:

Tại phiên tòa, người khởi kiện - Ông Trương G không rút đơn khởi kiện, và yêu cầu Hội đồng xét xử hủy Quyết định số 5376/QĐ-UBND ngày 28-8-2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T về việc giải quyết tranh chấp đất đai giữa hộ gia đình NLQ1 với hộ gia đình ông Trương G cùng ở tại thôn 5, xã Tiên Cảnh, huyện T để đảm bảo quyền lợi của gia đình ông.

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về đối tượng khởi kiện và thẩm quyền giải quyết: Quyết định số 5376/QĐ-UBND ngày 28-8-2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T về việc giải quyết tranh chấp đất đai giữa hộ NLQ1 và hộ ông Trương G cùng ở tại thôn 5, xã Tiên Cảnh, huyện T là quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai. Căn cứ vào khoản 3 Điều 203 Luật Đất đai năm 2013; khoản 1, khoản 2 Điều 3; khoản 4 Điều 32 của Luật Tổ tụng hành chính năm 2015 thì quyết định này là đối tượng khởi kiện của vụ án hành chính và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam.

[1.2] Về quyền khởi kiện và thời hiệu khởi kiện:

Ngày 28-8-2015, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T ban hành Quyết định số 5376/QĐ-UBND về việc giải quyết tranh chấp đất đai giữa hộ NLQ1 với hộ ông Trương G. Đến ngày 26-8-2016, ông Trương G nộp đơn khởi kiện tại Tòa án, là vẫn còn thời hiệu khởi kiện. Căn cứ vào khoản 1 Điều 115; khoản 2 Điều 116 của Luật Tổ tụng hành chính năm 2015, ông G có quyền khởi kiện và yêu cầu của ông G còn trong thời hiệu khởi kiện.

[1.3] Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam đã căn cứ theo quy định tại Điều 58 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015 bổ sung Ủy ban nhân dân xã Tiên Cảnh và NLQ4 sinh năm 1946; địa chỉ thôn 5, xã Tiên Cảnh, huyện T, tỉnh Quảng Nam vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, là phù hợp.

[1.4] Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T là ông Lê Trí Hiệu, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm NLQ1, ông NLQ3, NLQ4 và Ủy ban nhân dân xã Tiên Cảnh có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đại diện theo ủy quyền của người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định tại khoản 1 Điều 158 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015.

[2] Xét Quyết định số 5376/QĐ-UBND ngày 28-8-2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T:

[2.1] Về thẩm quyền, trình tự, thủ tục ban hành Quyết định số 5376/QĐ-UBND ngày 28-8-2015:

Ngày 06-11-2014 NLQ1 có đơn yêu cầu giải quyết tranh chấp đất đai với ông Trương G sau khi Ủy ban nhân dân xã Tiên Cảnh hòa giải không thành. Trong đơn yêu cầu giải quyết tranh chấp và trong quá trình giải quyết tranh chấp, NLQ1 và ông Trương G, các thành viên trong hộ không có tranh chấp về tài sản, và NLQ1 không có yêu cầu giải quyết về số tài sản mà gia đình ông G đã phá. NLQ1, ông Trương G không có Giấy chứng nhận hay một trong các loại giấy tờ quy định tại Điều 100 của Luật Đất đai năm 2013 đối với diện tích đất đang tranh chấp. Đối chiếu quy định tại điểm a khoản 2; điểm a khoản 3 Điều 203 Luật Đất đai năm 2013 thì thấy Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T đã thụ lý giải quyết tranh chấp là đúng thẩm quyền.

Trong quá trình giải quyết tranh chấp, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T phân công cho cơ quan tham mưu là Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện T

tiến hành thẩm tra, xác minh và báo cáo đề xuất. Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện T đã thẩm tra, xác minh nguồn gốc, quá trình sử dụng đất, hoàn chỉnh hồ sơ kèm theo báo cáo đề xuất việc giải quyết tranh chấp đất đai lần đầu giữa hộ gia đình NLQ1 với hộ gia đình ông Trương G cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T ban hành quyết định giải quyết tranh chấp đất đai. Tuy nhiên, Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện T không tổ chức hòa giải tranh chấp giữa các bên có liên quan là không thực hiện đầy đủ thủ tục giải quyết tranh chấp đất đai quy định tại điểm b khoản 1 Điều 89 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014. Thiếu sót này cần rút kinh nghiệm khi thực hiện thủ tục giải quyết tranh chấp đất đai.

[2.2] Về nội dung:

Qua các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện: Ông Trương G trình bày diện tích đất 609m² NLQ1 tranh chấp với ông G tại tổ 9, thôn 5, xã Tiên Cảnh là một phần trong diện tích đất do gia đình ông G mua của ông Nguyễn Tráng năm 1986, ông G có Đơn xin đất làm nhà gửi Ủy ban nhân dân xã Tiên Cảnh, Hợp tác xã nông nghiệp Tiên Cảnh và được Ban quản trị hợp tác xã sản xuất nông nghiệp Tiên Cảnh 2 xác nhận ngày 10-11-1986. Từ năm 1986 đến năm 1993, gia đình ông G sử dụng diện tích đất này để trồng khoai, sắn. Đến năm 1993 gia đình ông G không sản xuất trên diện tích đất 609m² này mà bỏ hoang. Sau đó, gia đình ông G cho ông NLQ3 và ông Nguyễn Văn Đắc sử dụng để làm rẫy. Tuy nhiên, ông NLQ3, NLQ4 (là vợ NLQ3), ông Nguyễn Văn Đắc đều không thừa nhận có mượn đất của ông G sử dụng và cho rằng diện tích đất tranh chấp này không liên quan đến ông Trương G. Ông NLQ3, NLQ4 khai rằng nguồn gốc 609m² đất tranh chấp là do vợ chồng ông bà khai hoang và sử dụng đến năm 2000 thì gia đình NLQ3 không sử dụng nữa mà cho gia đình NLQ1 sử dụng ổn định, liên tục đến năm 2013. Ngày 08-11-2019, Tòa án đã tiến hành tổ chức đối chất giữa ông Trương G và vợ chồng ông NLQ3, NLQ4 để làm rõ mâu thuẫn trong lời khai, tuy nhiên phiên đối chất không thể tiến hành được do NLQ3, NLQ1 không đến tham gia đối chất.

Ông Trương G có Đơn xin đất làm nhà gửi Ủy ban nhân dân xã Tiên Cảnh, Hợp tác xã nông nghiệp Tiên Cảnh và được Ban Quản trị Hợp tác xã sản xuất nông nghiệp Tiên Cảnh 2 xác nhận ngày 10-11-1986 với diện tích 1.000m², tuy nhiên không có cơ sở để khẳng định diện tích đất 609m² đang tranh chấp nằm trong diện tích đất 1.000m² đất vườn ở mà ông G được Ban Quản trị Hợp tác xã sản xuất nông nghiệp Tiên Cảnh 2 xác nhận ngày 10-11-1986. Hiện nay gia đình ông G đang sử dụng diện tích đất gần khu vực này khoảng trên 10.000m² (diện tích đất khoảng trên 10.000m² này nằm gần diện tích đất 609m² đang tranh chấp và cách nhau qua một con đường liên xóm rộng khoảng hai mét). Ngoài ra, hộ ông G cũng không thực hiện việc kê khai, đăng ký quyền sử dụng đất đối với phần đất 609m² (đang tranh chấp) theo quy định của pháp luật. Trong khi đó hộ ông G có kê khai, đăng ký quyền sử dụng đất theo Nghị định số 64/CP đối với thửa đất 724, tờ bản đồ số 22, diện tích 1.682m²; thửa đất số 278, tờ bản đồ số 22; thửa đất số 91, 411, tờ bản đồ số 29 và đã được Ủy ban nhân

dân huyện T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đồng thời, theo tờ Bản đồ địa chính số 20 được lập theo Nghị định số 64/CP thể hiện diện tích đất 609m² là đất Núi do Ủy ban nhân dân xã Tiên Cảnh quản lý; theo tờ Bản đồ địa chính số 01 được lập theo Dự án thành lập bản đồ địa chính 1/10.000 trên địa bàn huyện T và Sổ mục kê được Sở Tài nguyên và Môi trường duyệt ngày 14-12-2011 thể hiện phần diện tích đất 609m² thuộc thửa đất 626, tờ bản đồ số 01, tên người sử dụng, quản lý là Ủy ban nhân dân xã Tiên Cảnh.

Thực tế diện tích đất 609m² tại tổ 9, thôn 5, xã Tiên Cảnh là do gia đình NLQ1 sử dụng từ năm 2000, đến tháng 10 năm 2013 thì phát sinh tranh chấp.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T đã căn cứ vào các chứng cứ về nguồn gốc và quá trình sử dụng đất, bản đồ, hồ sơ địa chính qua các thời kỳ liên quan đến diện tích đất tranh chấp để đi đến quyết định chấp nhận đơn đề nghị giải quyết tranh chấp đất đai của NLQ1 là có cơ sở.

Từ các phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy Quyết định số 5376/QĐ-UBND ngày 28-8-2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T về việc giải quyết tranh chấp đất đai giữa hộ NLQ1 với hộ ông Trương G cùng ở tại thôn 5, xã Tiên Cảnh, huyện T là đúng quy định pháp luật, đảm bảo quyền lợi của công dân. Do đó Hội đồng xét xử không có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện hủy Quyết định số 5376/QĐ-UBND ngày 28-8-2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T.

[3] Về án phí hành chính sơ thẩm: Ông Trương G là người cao tuổi, theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 và ông G đã có đơn xin được miễn án phí, do vậy ông G được miễn án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1, khoản 2 Điều 3; khoản 4 Điều 32; khoản 1 Điều 115; khoản 2 Điều 116; Điều 158; điểm a khoản 2 Điều 193 của Luật Tổ tụng hành chính; Điều 203 Luật Đất đai năm 2013; Điều 89 Nghị định số 43/NĐ-CP ngày 15-5-2014; Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[1] Tuyên xử:

Bác yêu cầu khởi kiện của ông Trương G về việc yêu cầu hủy Quyết định số 5376/QĐ-UBND ngày 28-8-2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T về việc giải quyết tranh chấp đất đai giữa hộ gia đình NLQ1 với hộ gia đình ông Trương G cùng ở tại thôn 5, xã Tiên Cảnh, huyện T.

[2] Về án phí hành chính sơ thẩm: Ông Trương G được miễn. Hoàn trả cho ông Trương G 200.000đ (*Hai trăm ngàn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 000359 ngày 04-11-2016 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Nam.

[3] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại

phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ, để yêu cầu Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Quảng Nam;
- Cục THADS tỉnh Quảng Nam;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Quốc Lộc

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM:

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đặng Quốc Lộc

